TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2024/HS-ST
Ngày 24 – 4 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Bùi Thị Thuý Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 119/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Danh G, sinh năm 1990, tại tỉnh Kiên Giang. Nơi đăng ký HKTT: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh D, sinh năm 1967 và bà Thị B, sinh năm 1969; bị cáo có 01 chị sinh năm 1988, 01 em sinh năm 1999, bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 22/2010/HSST ngày 09/8/2010. Chấp hành xong ngày 27/10/2010. Nộp xong án phí ngày 04/11/2010.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/9/2023 cho đến nay; bị cáo có mặt;

2. Danh L, sinh năm 1999, tại tỉnh Kiên Giang. Nơi đăng ký HKTT: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh D1, sinh năm 1977 và bà Thị D2, sinh năm 1977; bị cáo có 01 em (sinh năm 2001), bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2023 cho đến nay; bị cáo có mặt;

3. Danh D5, sinh năm 2001, tại tỉnh Kiên Giang. Nơi đăng ký HKTT: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh D3, sinh năm 1980 và bà Thị Ngọc D4, sinh năm 1983; bị cáo có 02 em (sinh năm 2003 và 2014), bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt;

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1994; HKTT: Khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1994, đăng ký thường trú; Khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mâu thuẫn với Danh Phú Q về việc ông T nói sẽ đánh Q không cho Q sống trên đất D, tỉnh Bình Dương. Ngày 28/9/2020, Danh Phú Q đang nhậu tại phòng trọ đường L, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cùng với 04 người gồm: Danh N, sinh năm 1995; Danh D5, sinh năm 2001, Danh L, sinh năm 1999 và Danh G, sinh năm 1990, tất cả đều đăng ký thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Trong lúc nhậu, Q1 kể lại sự việc mâu thuẫn với ông T cho Danh N, Danh D5, Danh L và Danh G nghe về việc ông T đòi đánh Q1, cùng lúc Q1 rủ tìm gặp ông T để đánh thì Danh N, Danh D5, Danh L và Danh G đều đồng ý.

Lúc này, Danh N đi lên gác của phòng trọ lấy 01 con dao tự chế, 01 cây kiếm ống, sau đó, cả 05 người đi trên 02 xe mô tô. G điều khiển xe mô tô của mình, nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 68E1-076.63 chở Q1 và N, N cầm 01 cây kiếm ống, còn con dao tự chế để trên yên xe rồi cả 03 ngồi lên. Còn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 68D1 - 494.76 của L chở D5. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/9/2020, cả nhóm đến Công ty Đ, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Cả nhóm dừng 02 xe mô tô cách cổng Công ty khoảng 30m, L đứng ngoài trông xe; còn Q, G, N và D5 đi lại cổng Công ty. Tại đây, G cầm 01 con dao tự chế, N cầm 01 cây kiếm ống, Q và D5 không cầm hung khí, sau đó Q lấy con dao tự chế từ tay G đưa cho và đi bộ vào bên trong Công ty sát nhà bảo vệ của Công ty và đứng quan sát. Cùng lúc này, Q nhìn thấy ông T nên chạy vào dùng dao chém 01 cái trúng khuỷu tay trái gây thương tích cho ông T, cùng lúc thấy Q chạy vào đuổi theo ông T thì Danh N cầm theo cây kiếm ống và Danh D5 chạy theo vào bên trong Công ty để hỗ trợ cho Q nhưng không chém được ông T. Lúc này, ông T bỏ chạy vào bên trong nhà xưởng, Q cầm dao đuổi theo khoảng 15-20m thì đuổi kịp ông T, Q tiếp tục dùng dao chém trúng ông T 01 cái vào lưng gây thương tích. Sau đó, bảo vệ Công ty đến ngăn cản nên Q dừng lại. Ngay sau đó, Q, Danh N và Danh D5 chạy ra cổng Công ty,

Danh L điều khiển xe mô tô biển số 68D1 - 494.76 chở Q, Danh G điều khiển xe mô tô biển số 68E1-076.63 của mình chở Danh N và Danh D5 tẩu thoát, còn ông T được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29/9/2020, ông Nguyễn Ngọc T đến trình báo sự việc tại Công an phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Đồng thời, ông T có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và Giám định thương tích. Công an phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương đã tiếp nhận tin báo và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0925/TgT/2020 ngày 20/10/2020 của Trung tâm pháp y Sở Y, đối với thương tích anh Nguyễn Ngọc T, như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Gãy đầu trên xương trụ trái đã phẫu thuật kết hợp xương hiện hạn chế gấp duỗi khuỷu trái trong khoảng $5^0 \rightarrow 145^0$ (Áp dụng Chương 7, mục IV.3.2.1). Tỷ lệ: 15%.

- Tổn thương khuyết chỏm xương quay trái (mẻ). (Áp dụng Chương 7, mục III.4.4). Tỷ lệ: 03%.

- Sẹo lưng phải kích thước 13x0,3cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%.

- Sẹo vùng khuỷu trái kích thước 11x0,2cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%.

- Sẹo mổ cẳng tay trái kích thước 6,5x0,2cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y1 Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Ngọc T – 1994 áp dụng theo phương pháp cộng tại Thông tư là: 22% (Hai mươi hai phần trăm).

3. Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật sắc.

Sau khi gây thương tích cho ông Nguyễn Ngọc T, Danh G, D, Danh D5, Danh Phú Q và Danh N đã bỏ trốn.

Ngày 13/12/2022 Danh Phú Q bị bắt; ngày 14/12/2022, Danh N bị bắt. Ngày 28/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã xét xử và tuyên phạt bị cáo Danh Phú Q 04 (bốn) năm tù; D6 Nhờ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo Bản án số 187/2003/HSST ngày 28/6/2023.

Đối với Danh G, Danh L và Danh D5 bỏ trốn nên ngày 16/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương ra Quyết định truy nã. Ngày 23/9/2023, Danh G bị bắt giữ tại Công an xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/12/2023, Danh L bị bắt giữ tại ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Ngày 17/01/2024, Danh D5 bị bắt giữ tại Công an xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 68E1-076.63, số khung 30DY017947, số máy 1PB3-017947 do Danh Giào làm chủ sở hữu.

Tại Bản Cáo trạng số: 143/CT-VKS-DA ngày 01/4/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Danh G, Danh L và Danh D5 về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, 58 của Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị:

+ Xử phạt bị cáo Danh G từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Danh L từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

+ Xử phạt bị cáo Danh D5 từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

- Xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 68E1-076.63, số khung 30DY017947, số máy 1PB3-017947 do Danh Giào làm chủ sở hữu do bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 187/2003/HSST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên Viện Kiểm sát không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, tại phiên toà bị cáo Danh G đồng ý bồi thường hỗ trợ thêm cho bị hại số tiền là 10.000.000 đồng; Danh L đồng ý bồi thường hỗ trợ thêm cho bị hại số tiền là 5.000.000 đồng và Danh D5 đồng ý bồi thường hỗ trợ thêm cho bị hại số tiền là 5.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của các bị cáo nên đề nghị Hồi đồng xét xử ghi nhận.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 68D1494.76 do ông D6 Do cha của bị cáo Danh L đứng tên chủ sở hữu. Ông D1 không biết việc bị cáo sử dụng phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình

Dương không thu giữ là phù hợp nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Ngọc T có đơn xin vắng mặt và không yêu cầu gì về mặt dân sự, về mặt hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Các bị cáo Danh L, Danh D5 và Danh G không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện rõ sự ăn năn, hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại ông Nguyễn Ngọc T nhưng đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Đồng thời, đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của ông T không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của các bị cáo bị cáo Danh L, Danh D5 và Danh G tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/9/2020, tại Công ty Đ, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương do mâu thuẫn cá nhân giữa Danh Phú Q với ông Nguyễn Ngọc T nên Danh G, Danh L và Danh D5 đã cùng Danh Phú Q, Danh N có hành vi sử dụng hung khí là 01 dao tự chế, 01 cây kiếm ống chém ông Nguyễn Ngọc T gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 22% (Hai mươi hai phần trăm) theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT do Bộ Y1 ban hành ngày 28/8/2019.

Hành vi của các bị cáo Danh L, Danh D5 và Danh G đã đủ yếu tố cấu thành tội đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại Điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo với tội danh, điều, khoản và điểm nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng các bị cáo vẫn cố ý gây thương tích cho ông Nguyễn Ngọc T nên các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

[4] Vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công vai trò cụ thể giữa các bị cáo.

Trong đó Danh Phú Q là người có mâu thuẫn, là người rủ rê các bị cáo khác và cũng chính là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại; D6 Nhờ là người giúp sức cho Q cầm kiếm đuổi theo bị hại nhưng không gây thương tích; Danh Giào là người giúp sức cho Q chở quý đến chỗ bị hại, cầm dao tự chế đưa cho Q chém bị hại. Danh Luân, Danh D5 không trực tiếp tham gia gây thương tích cho bị hại nhưng biết rõ các đồng phạm đi thực hiện việc đánh nhau nhưng vẫn đi cùng đồng phạm với mục đích phụ giúp nên có vai trò thấp hơn.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Danh L, Danh D5 có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự.

Bị cáo Danh G năm 2010, đã bị Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 22/2010/HSST ngày 09/8/2010.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Về Xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 68E1-076.63, số khung 30DY017947, số máy 1PB3-017947 do Danh Giào làm chủ sở hữu do bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về Trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 187/2003/HSST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, tại phiên toà bị cáo Danh G đồng ý bồi thường hỗ trợ thêm cho bị hại 10.000.000 đồng; Danh L đồng ý bồi thường hỗ trợ thêm cho bị hại 5.000.000 đồng và Danh D5 đồng ý bồi thường hỗ trợ thêm cho bị hại 5.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của các bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 68D1494.76 do ông D6 Do cha của bị cáo Danh L đứng tên chủ sở hữu. Ông D1 không biết việc bị cáo sử dụng phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương không thu giữ là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, loại hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là cao so với vai trò, mức độ hành vi của các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[12] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; đồng thời có nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a, b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Danh G, Danh L, Danh D5 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Xử phạt bị cáo Danh G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2023.

- Xử phạt bị cáo Danh L 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2023.

- Xử phạt bị cáo Danh D5 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 68E1-076.63, số khung 30DY017947, số máy 1PB3-017947, đã qua sử dụng, loại xe hai bánh từ 50-175 cm^3, nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter, màu sơn đen vàng, dung tích xilanh 113 cm^3.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/4/2024).

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Danh G bồi thường hỗ trợ cho bị hại Nguyễn Ngọc T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Danh L bồi thường hỗ trợ cho bị hại Nguyễn Ngọc T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Danh D5 bồi thường hỗ trợ cho bị hại Nguyễn Ngọc T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo Danh G phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 (năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Danh L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Danh D5 phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- PV 06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- PC 10 - Công an tỉnh Bình Dương;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hải Nam